

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

*Bản án số: 57/2017/HSST
Ngày 27 tháng 9 năm 2017.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Phi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xuân Thái.**

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện G, tỉnh N

2. Bà **Tạ Thị Mai Hiền.**

Nghề nghiệp: Phó trưởng phòng Tư pháp huyện G, tỉnh N.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Hứa Công Nguyên** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N. tham gia phiên toà: Ông **Trần Văn Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSST ngày 07/9/2017 đối với bị cáo:

Tạ Trung D, sinh năm 1986 tại: Xã G, huyện G, tỉnh N; Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Con ông Tạ Xuân D và bà Nguyễn Thị E; vợ: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: Tại quyết định số 6532/QĐ – UBND ngày 13/8/2013 của UBND quận Đ, H, Tạ Trung D bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng. Ngày 01/8/2015 D chấp hành xong Quyết định.

Lịch sử bản thân: Ngày 17/11/2015 Công an phường V, thành phố N, tỉnh N xử phạt 750.000 đồng, ngày 30/12/2015 Công an phường P, thành phố N, tỉnh N xử phạt 750.000 đồng, đều về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/11/2015 và ngày 05/01/2016 D chấp hành xong 2 quyết định xử phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 22/6/2017, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 20/6/2017, Tạ Trung D đón xe taxi đi từ khu vực đường 477, xã G, huyện G đến khu vực cầu Non Nước, thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh N mục đích tìm heroine về để sử dụng. Tại đây D đã gặp và mua của người đàn ông (D không biết tên, địa chỉ người này) 02 gói heroine đều

được gói bằng giấy bạc màu vàng và đựng trong một túi nilon màu trắng kích thước (3,5 x 6,5cm). Sau khi mua được heroine D cất dấu vào trong túi quần phía trước bên phải mà D đang mặc và đón xe taxi về G. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D về đến thị trấn M, huyện G và vào quán ăn đêm của chị Đặng Thị C, trú tại phố M, thị trấn M để ăn đêm và chờ bạn đến đón. Tại quán nhà chị C, D thấy tổ công tác của Công an huyện G đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che dấu được hành vi cất dấu heroine của mình D đã tự giác lấy trong túi quần phía trước bên phải đang mặc ra một túi nilon màu trắng kích thước (3,5 x 6,5) cm bên trong đựng hai gói nhỏ đều gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong đều có chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là heroin vừa mua về để sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản thu giữ và niêm phong đối với túi nilon thu giữ của D. Đồng thời thu giữ của D một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 bộ vam phá khóa xe mô tô.

Cơ quan điều tra đã niêm phong hai gói nhỏ đều gói bằng giấy bạc màu vàng thu giữ của D gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N để xác định khối lượng và giám định chất ma túy.

Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất trong mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 0,1913 gam, mẫu M2 có khối lượng 0,0318 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 152/KLGD-PC54-MT ngày 22/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong hai gói ký hiệu M1, M2 gửi giám định định đều là chất ma túy, loại Heroine. Heroine có số thứ tự 20, thuộc Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Như vậy, tổng trọng lượng Heroine trong 02 gói thu giữ của D là **0,2231** gam. Quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên của mình.

Tại bản cáo trạng số 56/CT – VKS ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Tạ Trung D để xét xử về tội " tàng trữ trái phép chất ma túy " theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Trung D phạm tội " tàng trữ trái phép chất ma túy ". Áp dụng Điều 194 khoản 1, Điểm p, o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo Tạ Trung D từ 15 đến 18 tháng tù. Ngoài ra còn đề nghị về việc xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) để trả lại điện thoại cho bị cáo và tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn nhận tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thể hiện: Xuất phát từ việc để có ma túy sử dụng thỏa mãn nhu cầu bản thân, D đã đón xe taxi đi từ khu vực đường 477, xã G, huyện G đến khu vực cầu Non Nước, thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh N mua heroine về để sử dụng. D đã gặp và mua của người đàn ông (D không biết tên, địa chỉ người này) 02 gói heroine đều được gói bằng giấy bạc màu vàng và đựng trong một túi nilon màu trắng kích thước (3,5x6,5cm). Sau khi mua được heroine D cất giấu vào trong túi quần phía trước bên phải mà D đang mặc và đón xe taxi về G. Khi về địa phận thị trấn M, D vào quán ăn đêm của chị Đặng Thị C, trú tại phố M, thị trấn M để ăn đêm và chờ bạn đến đón. Tại quán nhà chị C, D thấy tổ công tác của Công an huyện G đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi cất giấu heroine của mình D đã tự giác lấy trong túi quần phía trước bên phải đang mặc ra một túi nilon màu trắng kích thước (3,5x6,5) cm bên trong đựng hai gói nhỏ đều gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong đều có chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là heroin vừa mua về để sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 152/KLGĐ-PC54-MT ngày 22/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: *Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong hai gói ký hiệu M1, M2 gửi giám định định đều là chất ma túy, loại Heroine. Heroine có số thứ tự 20, thuộc Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.*

Căn cứ vào khối lượng, kết luận giám định đã xác định thì tổng trọng lượng heroine mà D cất giấu để sử dụng là 0,2231 gam.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của Tạ Trung D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân, hành vi phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ.

Ma túy đang là một tệ nạn nguy hiểm mà Nhà nước và xã hội ta đang ra sức loại trừ. Vì ma túy mà nhiều gia đình khuynh gia bại sản. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác là nguyên nhân chính gây nên căn bệnh thế kỷ HIV, ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có nhân thân xấu, đã từng bị cai nghiện bắt buộc, lẽ ra phải tu chí làm ăn chăm lo cho ra đình, không tái nghiện ma túy,

nhưng bị cáo lại ngày càng sa chân vào tệ nạn ma túy. Bị cáo nhận thức rõ sự nguy hiểm của ma túy, sự lên án gay gắt của gia đình và xã hội, sự trừng phạt nghiêm khắc của luật pháp, xong bị cáo vẫn cố tình thực hiện, thể hiện thái độ coi thường kỷ cương, luật pháp. Cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh bằng cách cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo để bị cáo từ bỏ ma túy, đồng thời đảm bảo tính răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp số heroine mà bị cáo mua về sử dụng, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị quyết số 01/2016/NQ – HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Số heroine của bị cáo cất dấu trái phép là 0,2231 gam đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999 có khung hình phạt từ 2 đến 7 năm tù; do chuyển biến tình hình và chính sách hình sự mới nhân đạo của nhà nước, căn cứ tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, có khung hình phạt từ 1 đến 5 năm; các quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng trong quá trình xét xử đối với Tạ Trung D.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, hơn nữa bị cáo không có việc làm ổn định, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia đã thu giữ, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo D, bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên cần trả lại cho D.

Đối với bộ vạm phá khóa xe mô tô thu giữ của D, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì niêm phong theo quy định đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 túi nilon màu trắng có kích thước (3,5x6,5) cm, 02 mảnh giấy viết màu vàng, 01 phong bì ghi số 152/2017/GĐMT được niêm phong theo quy định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, bên trong có 0,1213 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M1 là heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra trong vụ án này có người đàn ông bán trái phép hêrôin cho D và người lái xe taxi chở D đi mua ma túy ngày 20/6/2017. D không rõ lai lịch những người này, nên Cơ quan điều tra Công an huyện G không có căn cứ xác minh xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo: Tạ Trung D phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Xử phạt: Tạ Trung D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/6/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong, trên phong bì ghi số 152/2017/GĐMT bên trong có 0,1213 gam chất bột màu trắng trong mẫu ký hiệu M1 là chất ma túy loại heroine, vỏ bao gói của mẫu ký hiệu M2 và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu. 01 phong bì niêm phong theo quy định đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định trọng lượng, bên trong có một túi nilon màu trắng KT (3,5x6,5)cm, hai mảnh giấy bạc màu vàng, một vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu. 01 bộ vạm phá khóa xe mô tô (một đầu vạm dài 06cm, một đầu mài đẹp, đầu còn lại hình trụ lục lăng).

Trả lại bị cáo D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu trắng xanh. Nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm việc thi hành án.

(Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/9/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP./

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

TRẦN THỊ PHI